

Phụ lục 2

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ, Ở XÓM, TỔ DÂN PHỐ VÀ NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở XÓM, TỔ DÂN PHỐ THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND-NV ngày tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân)

TT	Xã, thị trấn; xóm, tổ dân phố	Tổng số theo chỉ tiêu định biên	Tổng số có mặt	Giới tính		Dân tộc								Đảng viên	Độ tuổi						Trình độ GDPT			Trình độ CM						Trình độ LLCT				Bồi dưỡng QLNN				Tổng kinh phí phụ cấp lương theo chức vụ chức danh trong năm báo cáo (triệu đồng)	Tổng kinh phí các khoản phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm trong năm báo cáo (triệu đồng)	Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ năm 2021 (Triệu đồng)				Kinh phí thực hiện trong năm báo cáo (Triệu đồng)									
				Nam	Nữ	Kinh	Tày	Nùng	Mông	Dao	Sán chỉ	Lô Lô	Dân tộc khác		Từ 30 tuổi trở xuống	Từ 31-40	Từ 41 - 50	Từ 51 đến 60					Cấp I	Cấp II	Cấp III	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Trên đại học	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Chưa qua đào tạo	CS			CV	CVC	BHXH	BHYT		BHTN	KPCĐ							
																		Tổng số	Trong đó																																		
																			Nữ từ 51 - 55	Nữ trên 55	Nam từ 51-55	Nam từ 56 -60	Trên 60																														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48						
I	Cấp xã																																																				
a)	Người hoạt động không chuyên trách																																																				
1	Xã Phan Thanh	12	6	3	3		5	0	1						3	1	1					1		1		5	3		3																								
II	Xóm, tổ dân phố																																																				
a)	Người hoạt động không chuyên trách																																																				
1	Thắm Thon B	3	3	3					3					2		3									2	1					1																						
2	Thắm Thon A	3	3	3			2	1						3		1	2								2	1			1																								
3	Thôm Quan	3	3	1	2		3							3		3										3		1																									
4	Phiêng Dịt	3	3	2	1		2		1					3		2		1			1		1		1		2																										
5	Cốc lại	3	3	2	1		3							3		1	2							1	1	1																											
6	Phản Quang	3	3	2	1		1	2						3		3									2	1																											
7	Lũng vai	3	3	2	1				3					2		3								2	1																												
b)	Người trực tiếp tham gia hoạt động ở xóm, tổ dân																																																				
1	Thắm Thon B		3	3					3					3	1	2									1	2		1																									
2	Thắm Thon A		3	2	1			3						1	2		1									3		1																									
3	Thôm Quan		2	2				2						2	1	1										2																											
4	Phiêng Dịt		3	3			1		2					2	1	1	1																																				
5	Cốc lại		3	2	1		2	1						2	1		2								1	2		1																									
6	Phản Quang		3	3				3						1	1	2									1	2		1																									
7	Lũng vai		3	2	1				3					1											2	1		1																									

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH

BIỂU THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN THEO CHỨC DANH
(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND-NV ngày tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân)

TT	Chức danh	Tổng số	Giới tính		Dân tộc								Đảng viên	Tái cử	Độ tuổi										Trình độ GDPT			Trình độ CM						Trình độ LLCT				Tin học		Ngoại ngữ				Bồi dưỡng QLNN				Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
			Nam	Nữ	Kinh	Tày	Nùng	Mông	Dao	Sán chỉ	Lô Lô	Dân tộc khác			Từ 30 tuổi trở xuống	Từ 31-40	Từ 41 - 50	Từ 51 đến 60						Cấp I	Cấp II	Cấp III	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Trên đại học	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp trở lên	chứng chỉ	Tiếng Anh		Ngoại ngữ khác		Chưa qua đào tạo	CS	CV	CVC																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
																		Trong đó																					Tổng số	Nữ từ 51 - 55	Nữ trên 55	Nam từ 51-55					Nam từ 56 -60		Trên 60	Đại học trở lên	Chứng chỉ (A,B,C)	Đại học trở lên	Chứng chỉ (A,B,C)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ, Ở XÓM, TỔ DÂN PHỐ VÀ NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở XÓM, TỔ DÂN PHỐ

(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND-NV ngày tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân)

TT	Chức danh	Tổng số xã, phường, thị trấn, xóm, tổ dân phố	Tổng số những người hoạt động không chuyên trách và những người trực tiếp tham tiếp tham gia công việc ở xóm, tđp	Giới tính		Dân tộc								Đảng viên	Độ tuổi							Trình độ GDPT			Trình độ chuyên môn						Trình độ LLCT				Bồi dưỡng QLNN				Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
				Nam	Nữ	Kinh	Tày	Nùng	Mông	Dao	Sán chỉ	Lô Lô	Dân tộc khác		Từ 30 tuổi trở xuống	Từ 31-40	Từ 41 - 50	Từ 51 đến 60					Cấp I	Cấp II	Cấp III	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Trên đại học	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Chưa qua đào tạo	CS	CV		CVC																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
																		Tổng số	Trong đó																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
																			Nữ từ 51 - 55	Nữ trên 55	Nam từ 51-55	Nam từ 56 -60																			Trên 60																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
	TỔNG CỘNG																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
I	Người HDKCT ở cấp xã																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Hoàng Văn Lèn

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chức danh đảm nhiệm	Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn			Trình độ LLCT (SC, TC, CC)	Bồi dưỡng QLNN (CS, CV, CVC)	Tin học		Ngoại ngữ				Đảng viên	Ngạch công chức (mã ngạch)	Ngày, tháng, năm tham gia BHXH	Hệ số lương hiện hưởng	Lương theo ngạch, bậc, chức vụ (Triệu đồng)	Các khoản phụ cấp lương (Triệu đồng)	Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ năm 2021 (Triệu đồng)				Quỹ tiền lương (Triệu đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ				Tốt nghiệp trường	Trình độ	Chuyên ngành			Trình độ	Chứng chỉ (A, B, C)	Tiếng Anh		Ngoại ngữ khác													
														Trình độ	Chứng chỉ (A, B, C)	Trình độ	Chứng chỉ (A, B, C)												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30

Phụ lục 6																							
DANH SÁCH																							
NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ, Ở XOM, TỔ ĐÀN PHỐ VÀ NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở XOM, TỔ ĐÀN PHỐ																							
(theo hình thức tham gia Công an xã / UBND-X/ ngày / tháng / năm 2024 của Ủy ban nhân dân)																							
TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức danh đảm nhiệm	Nội dung khác	Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn			Trình độ LLCT	Bổ sung Q/NN	Đang vận	Hộ số phụ cấp theo chức vụ chức danh		Các khoản phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm						Khai báo thu nhập hàng năm (theo đúng)	Ghi chú
		Nam	Nữ					Học nghề/ chuyên nghiệp	Trình độ	Chuyên ngành				Hộ số	Khai báo thu nhập hàng năm (theo đúng)	Hộ số hoặc % kiêm nhiệm	Khai báo thu nhập hàng năm (theo đúng)	BHNN	BHYT	BHTN	NKCO		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
1 Cấp xã																							
	Sung A Diu	1997		Mông	Phó chủ tịch ủy ban xã		12/12						x	1,4		1,3		119.200				1.072.800	Phó chủ tịch Hội CCB xã
2	Vũ Thị Ngân		1989	Tày	Phó chủ tịch UBND xã		12/12	KT-KT Cao Bằng	Trung cấp	Thủ y			x	1,4		1,3		119.200				1.907.200	CT CTD
3	Nông Thị Quỳnh		1980	Tày	Đàn ca KHLGD		12/12	Trung cấp y		Y			x	1,3		1,3		119.200					Phó phụ nữ xã
4	Vũ Văn Mừng	1983		Tày	Tổ chức Đảng		12/12						x	1,3				119.200				1.072.800	
5	Vũ Văn Nguyễn	1966		Tày	Chủ tịch Hội cựu chiến binh xã		9/12						x	1,3				119.200				1.072.800	
6	Hương Thị Cúc		1996	Tày	Nhân viên thư y		12/12	KT-KT Cao Bằng	Trung cấp	Thủ y				1,5				119.200				1.072.800	
II Xóm, tổ dân phố																							
9/ Những người ĐH/CT																							
1	Quan Thị Huyền		1987	Tày	Bí thư Chi bộ		Thẩm Quan	12/12					x	1,2		0,55						4.329.000	Chủ tịch phụ nữ xóm dân
2	Sung A Thở		1990	Mông	Bí thư Chi bộ		Thẩm Quan B	12/12					x	1,2		1,0						3.744.000	ĐH/NN, Thẩm đốc trưởng
3	Hương A Sinh		1992	Mông	Bí thư Chi bộ		Phản Quang	9/12					x	1,2								3.082.000	
4	Nông Văn Luân		1989	Tày	Bí thư Chi bộ		Thẩm Quan A	12/12	Sơ phạm Hải Dương	Trung cấp	Thủ chủ		x	1,2		0,60						2.236.000	UN/CH, ĐH/NN/D
5	Hương Văn Thành		1974	Tày	Bí thư Chi bộ		Các lại	9/12					x	1,2								1.400.000	
6	Hương A Chai		1990	Mông	Bí thư Chi bộ		Lũng Vai	12/12					x	1,2								1.341.000	
7	Hương Văn Nổi		1962	Mông	Bí thư Chi bộ		Phường Diu	4/12					x	1,2								1.400.000	
8	Mông Thị Hoàn		1980	Tày	Bí thư chi bộ		Núi rừng	12/12		ĐH						0,3						477.000	
9	Từ Văn Cường		1985	Tày	Bí thư chi bộ		Công An xã	12/12	điều tra tội phạm	ĐH			x			0,3						477.000	
10	Quý Văn Tánh		1990	Tày	Trưởng xóm		Thẩm Quan	12/12					x	1,2		0,55						2.026.400	ĐH/NN, Chủ tịch xóm dân
11	Hương A Hân		1992	Mông	Trưởng xóm		Thẩm Quan B	9/12					x	1,2		0,25						1.430.400	Chủ tịch xóm dân
12	Sân Văn Trung		1982	Nùng	Trưởng xóm		Phản Quang	9/12					x	1,2		0,7						1.937.000	Thẩm đốc trưởng
13	Sân Văn An		1978	Tày	Trưởng xóm		Thẩm Quan A	9/12					x	1,2		0,55						1.937.000	ĐH/NN, CHND
14	Vũ Văn Mạnh		1988	Tày	Trưởng xóm		Các lại	12/12					x	1,2		0,36						2.026.400	ĐH/NN, Chủ tịch xóm dân
15	Hương A Lầu		1992	Mông	Trưởng xóm		Lũng Vai	9/12					x	1,2		0,06						1.430.400	Bí thư chi đoàn
16	Hương Văn Vương		1991	Tày	Trưởng xóm		Phường Diu	12/12					x	1,2		0,55						2.026.400	Chủ tịch nông dân
17	Quan Thị Kút			1984	Tày	TB CTMT	Thẩm Quan	12/12	Trung cấp y tế Cao Bằng	Sơ cấp	Y tế thôn bản		x	0,9		0,7						1.376.760	Y tế thôn bản
18	Nông Thị Duyên			1993	Tày	TB CTMT	Phường Diu	12/12					x	0,9		0,5						1.043.000	Bí thư chi đoàn, chủ tịch chi hội
19	Từ Thị Tươi			1976	Tày	TB CTMT	Các lại	9/12					x	0,9								894.000	
20	Hương Thị Vàng		1992	Mông	TB CTMT		Lũng Vai	9/12					x	0,9								745.000	
21	Nông Thị Lẻ		1985	Mông	TB CTMT		Thẩm Quan	12/12					x	0,9		0,28						834.000	CHPN
22	Sung A Sinh		1989	Mông	TB CTMT		Thẩm Quan B	12/12	Dạy học công đoàn	Đại học			x	0,9		0,3						1.192.000	ĐH/NN
23	Lý Văn Kim		1981	Nùng	TB CTMT		Thẩm Quan A	9/12					x	0,9								745.000	
22 Những người trực tiếp tham gia công việc của xóm, tổ dân phố																							
b) Ủy viên Dân																							
1	Hu Văn Khôn		1989	Tày	Thẩm Đốc trưởng		Thẩm Quan	12/12					x	0,7		0,25						89.400	CHT HỒ CCB
2	Hu Văn Khôn		1989	Tày	Thẩm Đốc trưởng		Phường Diu	9/12					x	0,7		0,25						148.000	CHT HỒ CCB
3	Lý Văn Tươi		1991	Tày	Công an viên		Thẩm Quan	12/12					x	0,7		0,25						983.400	Bí thư chi đoàn
4	Nông Văn Đức		1992	Tày	Công an viên		Phản Quang	12/12					x	0,7								745.000	
5	Hương Văn Kiên		1995	Nùng	Công an viên		Thẩm Quan A	12/12					x	0,7								745.000	
6	Lý Văn Bôn		1982	Nùng	Công an viên		Các lại	12/12					x	0,7								696.000	
7	Thân A Pô		1988	Mông	Công an viên		Thẩm Quan B	9/12					x	0,7								745.000	
8	Grông A Sinh		1988	Mông	Công an viên		Phường Diu	12/12					x	0,7								894.000	
9	Hương A Lư		1990	Mông	Công an viên		Lũng Vai	9/12					x	0,7								894.000	
10	Sung A Chai		1990	Mông	Y tế thôn bản		Thẩm Quan B	12/12	Trung cấp y tế Cao Bằng	Sơ cấp	Y tế thôn bản		x	0,7								894.000	
11	Sân Văn Lư		1990	Nùng	Y tế thôn bản		Phản Quang	12/12	Trung cấp y tế Cao Bằng	Sơ cấp	Y tế thôn bản		x	0,7								894.000	
12	Hương A Nổi		1982	Mông	Y tế thôn bản		Lũng Vai	12/12	Trung cấp y tế Cao Bằng	Sơ cấp	Y tế thôn bản		x	0,7								894.000	
13	Vũ A Ngai		1991	Mông	Y tế thôn bản		Phường Diu	12/12	Trung cấp y tế Cao Bằng	Sơ cấp	Y tế thôn bản		x	0,7								894.000	
14	Vũ Thị Hoàn			1979	Tày	Y tế thôn bản	Các lại	12/12	Trung cấp y tế Cao Bằng	Sơ cấp	Y tế thôn bản		x	0,7		0,25						894.000	CHT HPN xóm
15	Nông Thị Loan		1983	Nùng	Y tế thôn bản		Thẩm Quan A	12/12	Trung cấp y tế Cao Bằng	Sơ cấp	Y tế thôn bản		x	0,7		0,25						894.000	CHT HPN xóm
16	Hương Văn Nổi		2001	Nùng	Bí thư Chi Đoàn		Các lại	12/12					x	0,25								148.000	
17	Mai Thị Đình		1992	Mông	Chi Hội trưởng xóm dân		Lũng Vai	9/12					x	0,25		0,06						230.400	Chủ tịch phụ nữ
18	Hương Văn Tánh		1999	Mông	Bí thư Chi Đoàn		Thẩm Quan B	12/12					x	0,25								149.000	
19	Trần Văn Chanh		1992	Nùng	Chủ tịch CCB		Phản Quang	12/12					x	0,25								149.000	
20	Lê Đình Chung		2000	Nùng	Bí thư Chi Đoàn		Thẩm Quan A	12/12					x	0,25								149.000	
21																							

CHỨC VỤ

Hương Văn Lân

Phụ lục 7

TỔNG HỢP THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG
THÀNH VIÊN ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, CẤP XÃ, NHIỆM KỲ 2021-2026

(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND-NV ngày tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân)

STT	Cấp hành chính	Tổng số	Giới tính		Tái cử	Tuổi			Đảng viên	Dân tộc								Trình độ văn hóa			Trình độ chuyên môn						Trình độ chính trị						Bồi dưỡng QLNN				Ghi chú
			Nam	Nữ		Dưới 35	35 - 50	Trên 50		Kinh	Tày	Nùng	Móng	Dao	Sán Chỉ	Lô Lô	Dân tộc khác	Tiểu học	THCS	THPT	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Sau đại học	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Cử nhân	Sau đại học	Chưa qua đào tạo	Chưa qua dt	CS	CV	CVC	
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37
Tổng cộng:																																					
I	Cấp huyện																																				
1	Chủ tịch																																				
2	Phó Chủ tịch																																				
3	Ủy viên																																				
II	Cấp xã																																				
1	Chủ tịch	1	1				1		1						1					1				1				1							1		
2	Phó Chủ tịch	1	1				1		1		1									1				1				1							1		
3	Ủy viên	2	2			1	1		2		2									2				2				2							2		

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 8

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, CẤP XÃ
NHIỆM KỲ 2021 - 2026**

(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND-NV ngày tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân)

[illegible]